

KẾ HOẠCH
TỔ CHỨC THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC: 2025-2026
CÁC LỚP TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Ca 1: 8h00 bắt đầu thi
Ca 2: 9h40 bắt đầu thi

Ca 3: 13h00 bắt đầu thi
Ca 4: 14h40 bắt đầu thi

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/ Lớp	Tên học phần	Hình thức thi	Sử dụng tài liệu (x)	Số lượng sinh viên	Số lượng phòng thi	Phòng Thi	Địa điểm	Ghi Chú
1	2	22/12/2025	1	MNK36	Đánh giá trong giáo dục mầm non	Tự luận	x	300	10	P01: B1, P02: B2, P03: B4, P04: B4, P05: B5, P06: B6, P07: B8, P08: B8, P09: E5, P10: E7	CS1	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			2	MNK36	Nghề giáo viên mầm non	Tự luận		300	10	P01: B1, P02: B2, P03: B4, P04: B4, P05: B5, P06: B6, P07: B8, P08: B8, P09: E5, P10: E7		
2	3	23/12/2025	1&2	MNK36	CĐCS7: 'Biên soạn và tổ chức vận động theo nhạc cho trẻ ở trường mầm non - HP1'	Thực hành		46	1	Phòng tập trung: E6 Phòng chấm thi: E6	CS1	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			3&4	MNK36	CĐCS7: 'Biên soạn và tổ chức vận động theo nhạc cho trẻ ở trường mầm non - HP2'	Thực hành		46	1	Phòng tập trung: E5 Phòng chấm thi: E5		SV bốc thăm đề thi vào ngày thứ 6 (12/12/2025) tại Phòng B8 từ 8h00 đến 9h30, Sinh viên không đến đúng giờ và không ký tên trong danh sách coi như vắng thi.
3	4	24/12/2025	1	MNK36	Phát triển và tổ chức thực hiện CT GDMN 2	Tự luận	x	300	10	P01: B1, P02: B2, P03: B4, P04: B4, P05: B5, P06: B6, P07: B8, P08: B8, P09: E5, P10: E7	CS1	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			2	MNK36	QL hành chính nhà nước và QL ngành GD&ĐT	Tự luận	x	300	10	P01: B1, P02: B2, P03: B4, P04: B4, P05: B5, P06: B6, P07: B8, P08: B8, P09: E5, P10: E7		
4	6	26/12/2025	1	MNK36	Quản lý giáo dục mầm non	Tự luận	x	300	10	P01: B1, P02: B2, P03: B4, P04: B4, P05: B5, P06: B6, P07: B8, P08: B8, P09: E5, P10: E7	CS1	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			2	MNK36	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ MN	Tự luận	x	300	10	P01: B1, P02: B2, P03: B4, P04: B4, P05: B5, P06: B6, P07: B8, P08: B8, P09: E5, P10: E7		

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/ Lớp	Tên học phần	Hình thức thi	Sử dụng tài liệu (x)	Số lượng sinh viên	Số lượng phòng thi	Phòng Thi	Địa điểm	Ghi Chú
5	2	29/12/2025	1	MNK36	CĐCS3: 'Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non - HP1: GDHN trẻ KTTT trong trường MN'	Tự luận	x	67	2	P01: E5, P02: E7	CS1	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			2	MNK36	CĐCS3: 'Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non - HP2: GDHN trẻ RL phổ tự kỉ trong trường MN'	Tự luận	x	67	2	P01: E5, P02: E7		
			1&2	MNK36	CĐCS1: 'Âm nhạc nâng cao và phát triển năng khiếu Âm nhạc cho trẻ mầm non - HP1 (Nhạc cụ)'	Thực hành		25	1	Phòng tập trung: E21 Phòng chấm HP1 (Nhạc cụ): E19 Phòng chấm HP2 (Thanh nhạc): E20	SV bốc thăm đề thi vào ngày thứ 2 (15/12/2025) tại Phòng B8 từ 8h00 đến 9h30, Sinh viên không đến đúng giờ và không ký tên trong danh sách coi như vắng thi.	
			1&2	MNK36	CĐCS1: 'Âm nhạc nâng cao và phát triển năng khiếu Âm nhạc cho trẻ mầm non - HP2 (Hát)'	Thực hành		25	1			
			1&2	MNK36	CĐCS4: 'Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ mầm non - HP1'	Thực hành		17	1	Thực hành tại 2 phòng: B5, B6	Tổ Tiếng Anh chia nhóm, cho sinh viên bốc thăm đề thi và gửi về cho Phòng ĐT trước ngày thi 2 tuần.	
			1	MNK36	CĐCS2: 'Mỹ thuật nâng cao và phát triển năng khiếu Mỹ thuật cho trẻ mầm non - HP1'	Nộp sản phẩm		48	1	Nộp bài tại phòng: B1	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm	
				MNK36	CĐCS2: 'Mỹ thuật nâng cao và phát triển năng khiếu Mỹ thuật cho trẻ mầm non - HP2'	Nộp sản phẩm		48	1			
				MNK36	CĐCS5: 'Chăm sóc giáo dục trẻ nhà trẻ thông qua hoạt động với đồ vật trong trường MN - HP1'	Nộp tiểu luận cá nhân		47	1			
				MNK36	CĐCS5: 'Chăm sóc giáo dục trẻ nhà trẻ thông qua hoạt động với đồ vật trong trường MN - HP2'	Nộp tiểu luận cá nhân		47	1			
			2	MNK36	CĐCS6: 'Tổ chức hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ MN - HP1'	Nộp tiểu luận		47	1			
MNK36	CĐCS6: 'Tổ chức hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ MN - HP2'	Nộp tiểu luận			47	1						

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/ Lớp	Tên học phần	Hình thức thi	Sử dụng tài liệu (x)	Số lượng sinh viên	Số lượng phòng thi	Phòng Thi	Địa điểm	Ghi Chú
6	4	31/12/2025	1&2	MNK36	CĐCS4: 'Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ mầm non - HP2'	Thực hành		17	1	Thực hành tại 3 phòng: B1, B2, B5	CS1	Tổ Tiếng Anh chia nhóm, cho sinh viên bốc thăm đề thi và gửi về cho Phòng ĐT trước ngày thi 2 tuần.
			1	MNK36	CĐTC4: 'Quản lí hành vi cho trẻ khuyết tật trong trường MN'	Tự luận	x	88	3	P01: B4 , P02: B4 , P03: B8		Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			2	MNK36	CĐTC1: 'Tổ chức trò chơi phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non'	Nộp tiểu luận		44	1	Nộp bài tại phòng: B4		
				MNK36	CĐTC6: 'Phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ MN'	Nộp tiểu luận		44	1			
				MNK36	CĐTC2: 'Trò chơi phát triển nhận thức cảm tính cho trẻ MN '	Nộp tiểu luận		23	1	Nộp bài tại phòng: B4		
				MNK36	CĐTC5: 'Tổ chức hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng XH cho trẻ MN'	Nộp tiểu luận		47	1			
				MNK36	CĐTC3: 'Phương pháp đọc, kể diễn cảm TPVH cho trẻ MN'	Nộp tiểu luận		50	1	Nộp bài tại phòng: B8		
7	2	05/01/2026	1	MNK38	Giáo dục học đại cương	Tự luận	x	441	15	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 208, P07: 209, P08: 210, P09: 211, P10: 214, P11: 215, P12: 216, P13: 218, P14: 219, P15: 220	CS2	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			2	MNK38	Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non	Trắc nghiệm - Tự luận		441	15	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 208, P07: 209, P08: 210, P09: 211, P10: 214, P11: 215, P12: 216, P13: 218, P14: 219, P15: 220		
			3	MNK38	Giáo dục học đại cương	Tự luận	x	441	15	P16: 203, P17: 204, P18: 205, P19: 206, P20: 207, P21: 208, P22: 209, P23: 210, P24: 211, P25: 214, P26: 215, P27: 216, P28: 218, P29: 219, P30: 220		
			4	MNK38	Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non	Trắc nghiệm - Tự luận		441	15	P16: 203, P17: 204, P18: 205, P19: 206, P20: 207, P21: 208, P22: 209, P23: 210, P24: 211, P25: 214, P26: 215, P27: 216, P28: 218, P29: 219, P30: 220		

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/ Lớp	Tên học phần	Hình thức thi	Sử dụng tài liệu (x)	Số lượng sinh viên	Số lượng phòng thi	Phòng Thi	Địa điểm	Ghi Chú
8	3	06/01/2026	7h00	MNK38 (L01 -> L04)	Giáo dục thể chất 1	Thực hành		111	4	Sân trường	CS2	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			8h00	MNK38 (L05 -> L08)	Giáo dục thể chất 1	Thực hành		111	4			
			9h00	MNK38 (L09 -> L12)	Giáo dục thể chất 1	Thực hành		110	4			
			10h00	MNK38 (L13 -> L16)	Giáo dục thể chất 1	Thực hành		110	4			
			13h00	MNK38 (L17 -> L20)	Giáo dục thể chất 1	Thực hành		110	4			
			14h00	MNK38 (L21 -> L24)	Giáo dục thể chất 1	Thực hành		110	4			
			15h00	MNK38 (L25 -> L28)	Giáo dục thể chất 1	Thực hành		110	4			
			16h00	MNK38 (L29 -> L32)	Giáo dục thể chất 1	Thực hành		110	4			
9	6	09/01/2026	1	MNK38	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác- Lênin 1	Tự luận	x	441	15	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 208, P07: 209, P08: 210, P09: 211, P10: 214, P11: 215, P12: 216, P13: 218, P14: 219, P15: 220	CS2	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			2	MNK38	Tâm lý học đại cương	Trắc nghiệm		441	15	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 208, P07: 209, P08: 210, P09: 211, P10: 214, P11: 215, P12: 216, P13: 218, P14: 219, P15: 220		
			3	MNK38	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác- Lênin 1	Tự luận	x	441	15	P16: 203, P17: 204, P18: 205, P19: 206, P20: 207, P21: 208, P22: 209, P23: 210, P24: 211, P25: 214, P26: 215, P27: 216, P28: 218, P29: 219, P30: 220		
			4	MNK38	Tâm lý học đại cương	Trắc nghiệm		441	15	P16: 203, P17: 204, P18: 205, P19: 206, P20: 207, P21: 208, P22: 209, P23: 210, P24: 211, P25: 214, P26: 215, P27: 216, P28: 218, P29: 219, P30: 220		

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/ Lớp	Tên học phần	Hình thức thi	Sử dụng tài liệu (x)	Số lượng sinh viên	Số lượng phòng thi	Phòng Thi	Địa điểm	Ghi Chú
10	2	12/01/2026	1	MNK38	Giáo dục môi trường	Trắc nghiệm		441	15	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 208, P07: 209, P08: 210, P09: 211, P10: 214, P11: 215, P12: 216, P13: 218, P14: 219, P15: 220	CS2	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			2	MNK38	Tiếng Anh 1	Trắc nghiệm - Tự luận		441	15	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 208, P07: 209, P08: 210, P09: 211, P10: 214, P11: 215, P12: 216, P13: 218, P14: 219, P15: 220		
			3	MNK38	Giáo dục môi trường	Trắc nghiệm		441	15	P16: 203, P17: 204, P18: 205, P19: 206, P20: 207, P21: 208, P22: 209, P23: 210, P24: 211, P25: 214, P26: 215, P27: 216, P28: 218, P29: 219, P30: 220		
			4	MNK38	Tiếng Anh 1	Trắc nghiệm - Tự luận		441	15	P16: 203, P17: 204, P18: 205, P19: 206, P20: 207, P21: 208, P22: 209, P23: 210, P24: 211, P25: 214, P26: 215, P27: 216, P28: 218, P29: 219, P30: 220		
11	3	13/01/2026	1&2	MNK38 (M01 -> M04)	Âm nhạc và múa 1	Thực hành		221	8	Tập trung: tại sảnh trệt Phòng chấm thi 1: P.CN01 (018) Phòng chấm thi 2: P.CN02 (019) Phòng chấm thi 3: P.CN03 (020)	CS2	SV bốc thăm đề thi vào ngày thứ 2 (29/12/2025) tại Phòng 210 từ 8h00 đến 9h30, Sinh viên không đến đúng giờ và không ký tên trong danh sách coi như vắng thi.
			3&4	MNK38 (M05 -> M08)	Âm nhạc và múa 1	Thực hành		221	8	Tập trung: tại sảnh trệt Phòng chấm thi 1: P.CN01 (018) Phòng chấm thi 2: P.CN02 (019) Phòng chấm thi 3: P.CN03 (020)		
12	4	14/01/2026	1	MNK38	Tiếng Việt thực hành	Tự luận		441	15	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 208, P07: 209, P08: 210, P09: 211, P10: 214, P11: 215, P12: 216, P13: 218, P14: 219, P15: 220	CS2	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			2	MNK38	Tiếng Việt thực hành	Tự luận		441	15	P16: 203, P17: 204, P18: 205, P19: 206, P20: 207, P21: 208, P22: 209, P23: 210, P24: 211, P25: 214, P26: 215, P27: 216, P28: 218, P29: 219, P30: 220		

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/ Lớp	Tên học phần	Hình thức thi	Sử dụng tài liệu (x)	Số lượng sinh viên	Số lượng phòng thi	Phòng Thi	Địa điểm	Ghi Chú
13	5	15/01/2026	1&2	MNK38 (M09 -> M12)	Âm nhạc và múa 1	Thực hành		220	8	Tập trung: tại sảnh trệt Phòng chấm thi 1: P.CN01 (018) Phòng chấm thi 2: P.CN02 (019) Phòng chấm thi 3: P.CN03 (020)	CS2	SV bốc thăm đề thi vào ngày thứ 2 (29/12/2025) tại Phòng 210 từ 9h30 đến 11h00, Sinh viên không đến đúng giờ và không ký tên trong danh sách coi như vắng thi.
			3&4	MNK38 (M13 -> M16)	Âm nhạc và múa 1	Thực hành		220	8	Tập trung: tại sảnh trệt Phòng chấm thi 1: P.CN01 (018) Phòng chấm thi 2: P.CN02 (019) Phòng chấm thi 3: P.CN03 (020)		
14	2	19/01/2026	1	MNK37	Giáo dục học mầm non 2	Tự luận	x	332	12	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 211, P07: 214, P08: 215, P09: 216, P10: 218, P11: 219, P12: 220	CS2	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			2	MNK37	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em mầm non 2	Trắc nghiệm		332	12	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 211, P07: 214, P08: 215, P09: 216, P10: 218, P11: 219, P12: 220		
			3	MNK37	Giáo dục học mầm non 2	Tự luận	x	332	12	P13: 203, P14: 204, P15: 205, P16: 206, P17: 207, P18: 211, P19: 214, P20: 215, P21: 216, P22: 218, P23: 219, P24: 220		
			4	MNK37	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em mầm non 2	Trắc nghiệm		332	12	P13: 203, P14: 204, P15: 205, P16: 206, P17: 207, P18: 211, P19: 214, P20: 215, P21: 216, P22: 218, P23: 219, P24: 220		
15	3	20/01/2026	1&2	MNK37	Tiếng Anh 3	Vấn đáp		116	4 bàn chấm thi	Phòng tập trung: 101,102 Phòng thi 1 - Bàn chấm thi 1: 104 Phòng thi 2 - Bàn chấm thi 2: 106 Phòng thi 3 - Bàn chấm thi 3: 107 Phòng thi 4 - Bàn chấm thi 4: 108	CS2	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			3&4	MNK37	Tiếng Anh 3	Vấn đáp		116	4 bàn chấm thi	Phòng tập trung: 101,102 Phòng thi 5 - Bàn chấm thi 1: 104 Phòng thi 6 - Bàn chấm thi 2: 106 Phòng thi 7 - Bàn chấm thi 3: 107 Phòng thi 8 - Bàn chấm thi 4: 108		

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/ Lớp	Tên học phần	Hình thức thi	Sử dụng tài liệu (x)	Số lượng sinh viên	Số lượng phòng thi	Phòng Thi	Địa điểm	Ghi Chú
16	5	22/01/2026	1&2	MNK37	Tiếng Anh 3	Vấn đáp		90	3 bàn chấm thi	Phòng tập trung: 101 Phòng thi 9 - Bàn chấm thi 1: 106 Phòng thi 10 - Bàn chấm thi 2: 107 Phòng thi 11 - Bàn chấm thi 3: 108	CS2	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			3&4	MNK37	Tiếng Anh 3	Vấn đáp		90	3 bàn chấm thi	Phòng tập trung: 101 Phòng thi 12 - Bàn chấm thi 1: 106 Phòng thi 13 - Bàn chấm thi 2: 107 Phòng thi 14 - Bàn chấm thi 3: 108		
17	6	23/01/2026	1	MNK37	Phát triển và tổ chức thực hiện CT GDMN 1	Tự luận	x	332	12	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 211, P07: 214, P08: 215, P09: 216, P10: 218, P11: 219, P12: 220	CS2	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			2	MNK37	Văn học trẻ em và phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	Tự luận		332	12	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 211, P07: 214, P08: 215, P09: 216, P10: 218, P11: 219, P12: 220		
			3	MNK37	Phát triển và tổ chức thực hiện CT GDMN 1	Tự luận	x	332	12	P13: 203, P14: 204, P15: 205, P16: 206, P17: 207, P18: 211, P19: 214, P20: 215, P21: 216, P22: 218, P23: 219, P24: 220		
			4	MNK37	Văn học trẻ em và phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	Tự luận		332	12	P13: 203, P14: 204, P15: 205, P16: 206, P17: 207, P18: 211, P19: 214, P20: 215, P21: 216, P22: 218, P23: 219, P24: 220		
18	2	26/01/2026	1	MNK37	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Tự luận	x	332	12	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 211, P07: 214, P08: 215, P09: 216, P10: 218, P11: 219, P12: 220	CS2	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			2	MNK37	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tự luận	x	332	12	P01: 203, P02: 204, P03: 205, P04: 206, P05: 207, P06: 211, P07: 214, P08: 215, P09: 216, P10: 218, P11: 219, P12: 220		
			3	MNK37	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Tự luận	x	332	12	P13: 203, P14: 204, P15: 205, P16: 206, P17: 207, P18: 211, P19: 214, P20: 215, P21: 216, P22: 218, P23: 219, P24: 220		
			4	MNK37	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tự luận	x	332	12	P13: 203, P14: 204, P15: 205, P16: 206, P17: 207, P18: 211, P19: 214, P20: 215, P21: 216, P22: 218, P23: 219, P24: 220		

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/ Lớp	Tên học phần	Hình thức thi	Sử dụng tài liệu (x)	Số lượng sinh viên	Số lượng phòng thi	Phòng Thi	Địa điểm	Ghi Chú
19	3	27/01/2026	1&2	MNK37	Tiếng Anh 3	Vấn đáp		90	3 bàn chấm thi	Phòng tập trung: 101 Phòng thi 15 - Bàn chấm thi 1: 106 Phòng thi 16 - Bàn chấm thi 2: 107 Phòng thi 17 - Bàn chấm thi 3: 108	CS2	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			3&4	MNK37	Tiếng Anh 3	Vấn đáp		90	3 bàn chấm thi	Phòng tập trung: 101 Phòng thi 18 - Bàn chấm thi 1: 106 Phòng thi 19 - Bàn chấm thi 2: 107 Phòng thi 20 - Bàn chấm thi 3: 108		
20	5	29/01/2026	1&2	MNK37	Tiếng Anh 3	Vấn đáp		90	3 bàn chấm thi	Phòng tập trung: 101 Phòng thi 21 - Bàn chấm thi 1: 106 Phòng thi 22 - Bàn chấm thi 2: 107 Phòng thi 23 - Bàn chấm thi 3: 108	CS2	Sinh viên xem danh sách phòng thi đính kèm
			3&4	MNK37	Tiếng Anh 3	Vấn đáp		87	3 bàn chấm thi	Phòng tập trung: 101 Phòng thi 24 - Bàn chấm thi 1: 106 Phòng thi 25 - Bàn chấm thi 2: 107 Phòng thi 26 - Bàn chấm thi 3: 108		

Ghi chú: - Sinh viên mang thẻ sinh viên hoặc CCCD/CMND hoặc bằng lái xe khi dự thi.
- Sinh viên có mặt tại phòng thi trước 15 phút.
- Sinh viên xem đúng danh sách phòng thi.

Nơi nhận

- BGH (Để báo cáo);
- Các đơn vị (Để thực hiện);
- Lưu VT, ĐTKH&HTQT.

NGƯỜI LẬP


Vương Chí Cao

